TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** Bản án số: 46/2023/HNGĐ -ST Ngày: 19/6/2023. (V/v xin ly hôn).	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *K, ngày 19 tháng 6 năm 2023.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Quang T và bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang V1 – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn A - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kxét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2023LHST – HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị L**, sinh năm 1972; Đăng ký HKTT và trú tại: Bản B, xã V2, huyện V2, tỉnh S.

***2. Bị đơn*: Ông Lưu Văn V**, sinh năm 1972; Đăng ký HKTT và trú tại: thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

3. Những người làm chứng:

3.1 **Anh Lưu Quang T1**, sinh ngày 09/10/1991; Đăng ký HKTT và trú tại: Bản C, xã V2, huyện V2, tỉnh S.

3.2 **Anh Lưu Đức A1**, sinh ngày 21/11/1994; Đăng ký HKTT và trú tại: Bản B, xã V2, huyện V2, tỉnh S.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 05/5/2022; bản tự khai bà Hoàng Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Lưu Văn V, sinh năm 1972 là người ở thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã D, huyện Kvào ngày 01/10/1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã D đến năm 2000 thì chuyển lên S làm ăn sinh sống. Cũng từ thời gian đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất

đồng về quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, kinh tế không rõ ràng dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Từ năm 2012, bà L và ông V đã sống ly thân với nhau, dù vẫn ở cùng một nhà nhưng không quan hệ tình cảm, cơm ai người đó ăn, tiền ai người đó tiêu, không liên quan đến nhau. Năm 2017, vợ chồng đã xác định không thể chung sống cùng nhau nên hai bên đã tự phân chia tài sản đất đai. Sau khi phân chia xong ông V đã về làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã D còn bà L và các con vẫn sinh sống trên S. Từ khi ly thân, hai bên không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, cũng không liên lạc trao đổi gì. Lẽ ra hai bên vẫn tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay để các con có đầy đủ cả bố và mẹ, lý lịch gia đình đẹp đẽ nhưng hiện tại bà L không thể cố được nữa do áp lực và không muốn duy trì cuộc hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa nên xin ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2023 bị đơn ông Lưu Văn V trình bày: Ông V thừa nhận hoàn cảnh và nơi đăng ký kết hôn như bà L đã khai là đúng. Sau khi vợ chồng chuyển lên S làm ăn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế. Năm 2012, vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân nhau, không quan hệ tình cảm, không liên quan đến kinh tế. Năm 2017, hai bên đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và đất ruộng xong với nhau. Từ đó ông V chuyển về thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H sinh sống còn bà L và các con vẫn sống trên Sơn La.

Sở dĩ ông V và bà L đến thời điểm này mới giải quyết ly hôn là vì nghĩ cho các con có đủ cả bố và mẹ. Nhưng đến nay, các con của ông bà đều đã khôn lớn trưởng thành và có gia đình riêng không còn phụ thuộc bố mẹ nên ông V, bà L đồng thuận giải quyết ly hôn với nhau để hai bên ổn định cuộc sống. Bản thân ông V hoàn toàn nhất trí ly hôn với bà L nên đã ký đơn công nhận thuận tình ly hôn nhưng do bận công việc nên ông không đến Tòa án làm việc.

Về con chung: Bà L và ông V đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là anh Lưu Quang T1, sinh năm 1991 và anh Lưu Đức A1, sinh năm 1994. Hiện cả 02 người con đều đã khôn lớn, trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất, tâm thần và đều có gia đình riêng, không còn phụ thuộc vào bố mẹ nên bà L và ông V không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

**** Về tài sản chung, ruộng đất canh tác nông nghiệp:*** Bà L và ông V đều có quan điểm đã tự phân chia giải quyết xong với nhau từ năm 2017, không còn gì liên quan nên đều không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét giải quyết.

**** Về công nợ chung, công sức của vợ chồng với hai bên gia đình:*** Bà L và ông V đều có quan điểm vợ chồng không có gì liên quan nên không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Người làm chứng là anh Lưu Quang T1 và anh Lưu Đức A1 là 02 người con của bà L và ông V đều khẳng định: Quá trình chung sống, bà L, ông V xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng như bà L, ông V trình bày là đúng. Các anh khẳng định không có yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn này và xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết xét xử vụ án.

<u>Tại phiên tòa hôm nay:</u>

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Lưu Văn V đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người làm chứng anh Lưu Quang T1 và anh Lưu Đức A1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị L; Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Bà L và ông V đều có quan điểm hai bên đã giải quyết phân chia xong với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. ***Về tố tụng***: Bà Hoàng Thị L có đơn đề nghị TAND huyện Kgiải quyết ly hôn cho bà và ông Lưu Văn V trú tại thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh H. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bà L và ông V đều có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa; Những người làm chứng là anh Lưu Quang T1 và anh Lưu Đức A1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đã có quan điểm xin được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà L và ông V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 1990 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không còn tình cảm, tin tưởng, tôn trọng nhau, đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay đã 11 năm. Trong thời gian ly thân hai bên đã xác định không thể tiếp tục chung sống nên đã tự thỏa thuận giải quyết phân chia xong với nhau về tài sản chung và đất ruộng điều đó chứng tỏ hai bên đều không muốn liên quan, dây dưa đến nhau và đều xác định không thể đoàn tụ cùng nhau. Sở dĩ hai bên duy trì tình trạng hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa trong nhiều năm như vậy là vì mong muốn cho con cái có đầy đủ cả bố và mẹ, lý lịch gia đình đẹp đẽ. Nhưng cho đến nay, bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V nên xin ly hôn để giải thoát bản thân, ổn định cuộc sống. Ông V cũng khẳng định vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, bản thân ông cũng không còn tình cảm vợ chồng với bà L nên hoàn toàn nhất lý ly hôn.

Theo xác minh tại Ban tư pháp xã D và những người thân trong gia đình bà L, ông V thì thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này đã được người thân gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Hai bên đã sống ly thân nhau hơn chục năm không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay cả bà L và ông V đều không mong muốn đoàn tụ và đều có nguyện vọng được ly hôn nhau để ổn định cuộc sống. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L xin ly hôn, ông V hoàn toàn nhất trí. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] ***Về con chung*****:** Các con chung của bà L, ông V là anh Lưu Quang T1, sinh năm 1991 và anh Lưu Đức A1, sinh năm 1994 đều đã khôn lớn trưởng thành, có gia đình riêng không còn phụ thuộc bố mẹ nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Bà L, ông V đều khẳng định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia giải quyết xong với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai thu số 0008307 ngày 05/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Knên bà L đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Căn cứ:*** Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 229 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Xử cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Lưu Văn V.

[3]. ***Về con chung*****:** Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. **V*ề tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này.

[5]. ***Về án phí:*** Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp theo biên lai thu số 0008307 ngày 05/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Knên bà L đã thi hành xong án phí của mình

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã D;*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu H1